

ADJECTIVE WORD FAMILY

A/ CÁC HẬU TỔ THƯỜNG GẶP CỦA TÍNH TỪ

1 -able / -ible

có khả năng, có thể

flammable, edible, comfortable

6 -ic

Athletic, historic, fantastic

7 -ive

Sensitive, supportive, creative

8 -ious / -ous

Dangerous, nervous, poisonous

2 -al (-al, -ial, -ical)

tính chất, liên kết với

Accidental, personal, universal, spacial

3 -ant / -ent

Independent, important, brilliant

4 -ary/-ery

Independent, important, brilliant

5 -ful/-full

Skillful, successful, beautiful

14 - some

Awesome, troublesome

13 - ile

Futile, fragile

12 - ish

Selfish, foolish, childish

9 -less

không có, thiếu hụt, không có khả năng

Useless, worthless, homeless

10 -y

Rainy, dirty, sleepy

11 -like

có tính chất như

Ladylike, childlike

HẬU TỔ CỦA
TÍNH TỪ

* Ngoài ra, hiện tại phân từ (V-ing) và quá khứ phân từ (Ved/V3) có thể được sử dụng như một tính từ đứng trước danh từ hoặc sau động từ "to be". Cụ thể:

- **Hiện tại phân từ (V-ing):** Đứng ngay trước danh từ mà tính từ nó bổ nghĩa, dùng để chỉ hành động ở thể chủ động, tiếp diễn.

Ví dụ: The growing plant makes me happier.

(Cái cây đang lớn làm tôi hạnh phúc hơn)

- **Quá khứ phân từ (Ved/V3):** Thường đứng ngay trước danh từ mà tính từ nó bổ nghĩa, dùng để chỉ hành động ở thể bị động.

Ví dụ: The packed lunch was thrown away because she was allergic to peanuts.

(Túi đồ ăn trưa được đóng gói đã bị vứt đi vì bạn ấy bị dị ứng với lạc).

B/ SO SÁNH

I. Tính từ ngắn và tính từ dài

- **Tính từ ngắn (short adjectives)** là những tính từ chỉ có một âm tiết như "fast, good, tall, nice...". Ngoài ra, những tính từ có hai âm tiết và âm tiết thứ hai có kết thúc là "-y, -er, -le, -ow, -et" cũng chính là tính từ ngắn, như: happy, purple, hollow, quiet...
- **Tính từ dài (long adjectives)** là tính từ có hai âm tiết trở lên như: pleasant, expensive, intellectual... Ngoài ra, những tính từ có kết thúc bằng "-le, -er, -et, -ow" được xem vừa là tính từ ngắn và vừa là tính từ dài, như quiet, simple, happy...

II. So sánh nhất và so sánh hơn

1. So sánh hơn (COMPARATIVE)

SO SÁNH HƠN

VỚI TÍNH TỪ NGẮN

S + V + Adj/Adv + -er + than

Ví dụ: Hoa came later than me.
(Hoa đến muộn hơn tôi)

VỚI TÍNH TỪ DÀI

S + V + more + Adj/ Adv + than

Ví dụ: This month's sale project is more difficult than last month's sale project.
(Dự án kinh doanh tháng này khó hơn dự án kinh doanh tháng trước)

Lưu ý: Trong những câu có chứa công thức so sánh hơn, các tính từ hoặc trạng từ trong câu được biến đổi phù hợp với công thức.

* ĐỐI VỚI TÍNH TỪ NGẮN

- Những tính từ ngắn có 1 âm tiết, chúng ta chỉ cần thêm đuôi -er vào ngay sau tính từ đó để tạo thành dạng phù hợp trong công thức so sánh hơn.
- Những tính từ 2 âm tiết kết thúc bằng -y, ta chuyển -y thành -i sau đó thêm đuôi -er.
Ví dụ: easy → easier, lucky → luckier, tiny → tinier, crazy → crazier, sexy → sexier.
- Những tính từ/ trạng từ ngắn có kết thúc bằng 1 phụ âm nhưng trước đó là 1 nguyên âm, ta nhân đôi phụ âm cuối rồi thêm đuôi -er.
Ví dụ: fat → fatter, big → bigger, sad → sadder.

* ĐỐI VỚI TÍNH TỪ DÀI

- Những tính từ/ trạng từ 2 âm tiết trở lên, có kết thúc bằng -ly, giữ nguyên đuôi -y, thêm more vào trước từ đó để tạo công thức so sánh hơn.
Ví dụ: boldly → more boldly, likely → more likely, coldly → more coldly, sadly → more sadly.
- Thêm “far”, “much”, “a lot” trước cụm từ so sánh để nhấn mạnh.
Ví dụ: Cherries are much more expensive than apples. (Anh đào thì đắt hơn táo rất nhiều.)

* So sánh kém hơn trong tiếng Anh : S + V + LESS + ADJ + THAN + N

- Trong tiếng Anh, thường ít sử dụng công thức so sánh kém hơn này, mà sẽ dùng công thức so sánh hơn đi kèm với các tính từ hoặc trạng từ ngược lại hoặc cấu trúc not as...as hoặc so...as.
Ví dụ: Apples are less expensive than cherries. (Táo thì kém đắt hơn anh đào.)
=> *Cherries are more expensive than apples*
=> *Apples are not as/so expensive than cherries.*

2. So sánh nhất (SUPERLATIVE)

- Trong so sánh nhất thì 1 nhóm đối tượng so sánh phải chứa ít nhất 3 đối tượng trở lên.

SO SÁNH NHẤT

VỚI TÍNH TỪ NGẮN

S + V + the + Adj/adv + est + N

Ví dụ: My dad is the greatest person in the world.
(Bố tôi là người vĩ đại nhất thế giới)

VỚI TÍNH TỪ DÀI

S + V + the + most + adj + N

Ví dụ: He is the most handsome in his class.
(Anh ấy là người đẹp trai nhất lớp)

Lưu ý: Trong những câu có chứa công thức so sánh nhất, chúng ta có thể thấy các tính từ hoặc trạng từ trong câu được biến đổi, chúng sẽ được thêm đuôi -est so với dạng nguyên thể. Bên cạnh đó, những tính từ và trạng từ trong một câu so sánh nhất thì sẽ đi kèm với "the".

- Những tính từ/ trạng từ ngắn có 1 âm tiết, ta thêm đuôi -est vào sau dạng nguyên thể của chúng.
Ví dụ: cold => coldest.
- Những tính từ/ trạng từ có tận cùng là e thì chỉ thêm -st.
Ví dụ: cute => cutest

- Những tính từ/ trạng từ có 1 âm tiết, kết thúc bằng nguyên âm + phụ âm thì nhân đôi phụ âm và thêm -est.
Ví dụ: hot => hottest, big => biggest.
- Những tính từ/ trạng từ có 2 âm tiết kết thúc bằng phụ âm y -> ta đổi y thành i và thêm -est.
Ví dụ: dry => driest, happy => happiest.

3. Một số tính từ, trạng từ bất quy tắc trong công thức so sánh hơn và so sánh nhất

- Trong công thức so sánh hơn và so sánh nhất, ngoài cách biến đổi dạng của tính từ và trạng từ như trên, một số các từ khác có dạng bất quy tắc đặc biệt như sau:

Tính từ (Adjective)	So sánh hơn (Comparative)	So sánh hơn nhất (Superlative)
good (tốt)	better (tốt hơn)	best (tốt nhất)
bad (xấu)	worse (xấu hơn)	worst (xấu nhất)
many/much (nhiều)	more (nhiều hơn)	most (nhiều nhất)
little (ít)	less (ít hơn)	least (ít nhất)
old (cổ/ cũ/ già)	older/ elder (cổ hơn/ cũ hơn/ già hơn)	oldest/ eldest (cổ nhất/ cũ nhất/ già nhất)

* So sánh kém nhất trong tiếng Anh: S + V + THE + LEAST + ADJ/ADV + N

Ví dụ: Her ideas were the least practical suggestions.
(Những ý tưởng của cô ấy là những gợi ý kém thực tế nhất.)

MỘT SỐ CẤU TRÚC SO SÁNH HƠN ĐẶC BIỆT KHÁC

- **Cấu trúc so sánh hơn gấp theo bội số:** Đây là cấu trúc so sánh hơn để diễn tả vật này hơn vật kia bao nhiêu lần: 2 lần, 3 lần,...

S + V + SỐ LẦN + AS + ADJ/ADV + AS + N

Ví dụ: *Their garden is twice as big as ours. (Vườn nhà họ to gấp đôi vườn nhà của chúng tôi.)*

- **Cấu trúc so sánh hơn cấp tiến “càng...càng...”:** Đây là cấu trúc so sánh mang ý nghĩa cấp tiến, thể hiện sự nhấn mạnh trạng thái đang muốn nói tới, càng A thì càng B.

THE + SS HƠN + S1 + V1, THE + SS HƠN + S2 + V2

Ví dụ: *The more the merrier! (Càng đông thì càng vui)*

